



NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 04 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 14730097

Mã TTV: 5058

Số CT: 90249

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 247.124 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 247.124 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 24.712 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 271.836 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai trăm bảy mươi một nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): THANH TOAN TIEN HANG-CTY KIM KE | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 04 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 14756038

Mã TTV: 5058

Số CT: 97472

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 20.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 20.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 2.000 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 22.000 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): TT HD SO 8112-CTY NAM PHUONG | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 04 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 14777890

Mã TTV: 5058

Số CT: 99382

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 311.038 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 311.038 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 31.104 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 342.142 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Ba trăm bốn mươi hai nghìn một trăm bốn mươi hai đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): TT HD SO 143-145-147-148-149-150-NGAY 13.4.26 VA 14.4.26 VA 15.4.2026 | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 05 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 14859210

Mã TTV: 5056

Số CT: 40101

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 7.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 7.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 700 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 7.700 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): IBVCB.0505260080545001.THANH TOAN TIEN NHA NGHI-DANG THUY HOANG PHUONG | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)

✓ **Signature Valid**
Được ký bởi: **NGÂN HÀNG TMCP**
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
Ngày ký: **06/05/2026**



NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 05 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01006499

Mã TTV: 5087

Số CT: 46543

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 776.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 776.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 77.600 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 853.600 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Tám trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): IBVCB.202605055087080131. | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 06 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 14956622

Mã TTV: 5058

Số CT: 98639

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 20.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 20.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 2.000 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 22.000 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): TT HD SO 1890-CTY QUANG MINH | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 06 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 14964171

Mã TTV: 5058

Số CT: 98999

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 20.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 20.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 2.000 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 22.000 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): THANH TOAN LUONG THANG 4.2026 -LE NHUT PHUONG OANH | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 08 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 15200670

Mã TTV: 5058

Số CT: 88171

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 20.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 20.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 2.000 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 22.000 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): THANH TOAN THEM LUONG T4.2026-LY KIM HO | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 08 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 15208880

Mã TTV: 5056

Số CT: 88562

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 7.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 7.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 700 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 7.700 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): IBVCB.0805260539295004.THANH TOAN LUONG THEM T4.2026-HOANG DUC THANH | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 08 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 15246918

Mã TTV: 5058

Số CT: 92527

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 286.696 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 286.696 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 28.670 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 315.366 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Ba trăm mười lăm nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): THANH TOAN TIEN HANG - CHO CTY DAU TU AN VIET | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 08 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 15246920

Mã TTV: 5058

Số CT: 90019

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 20.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 20.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 2.000 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 22.000 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): TT HD SO 99 -HO KINH DOANH CUA HANG ANH HOP | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 08 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 15246938

Mã TTV: 5058

Số CT: 95035

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 36.540 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 36.540 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 3.654 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 40.194 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Bốn mươi nghìn một trăm chín mươi bốn đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): DAT COC 15% PHU LUC SO 01/05-26/PMI-NT-CTY INTL VIETNAM | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KỶ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-072

Địa chỉ (Address): 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 09 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00357363

Mã TTV: 9915

Số CT: 36070

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUODUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 50.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 50.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 5.000 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 55.000 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Năm mươi lăm nghìn đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU ĐONG THANG 04/2026. SDT: 0917823679. Số tiền 55000 VND | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 09 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01026632

Mã TTV: 9915

Số CT: 90875

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 50.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 50.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 5.000 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 55.000 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Năm mươi lăm nghìn đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU ĐONG THANG 04/2026. SDT: 0917823679. Số tiền 55000 VND | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 12 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 15779916

Mã TTV: 5058

Số CT: 9256

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 91.020 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 91.020 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 9.102 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 100.122 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Một trăm nghìn một trăm hai mươi hai đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): TT HD SO 151-152-153 NGÀY 16.4.2026 VA 17.4.2026 | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 12 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 15799387

Mã TTV: 5058

Số CT: 86870

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 20.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 20.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 2.000 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 22.000 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): CTY RUT TIEN NHAP QUY TIEN MAT | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 12 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 15799145

Mã TTV: 5058

Số CT: 10464

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 20.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 20.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 2.000 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 22.000 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): TT HD SO 150- CTY VAN PHONG | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản sao chép hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 13 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 15941497

Mã TTV: 5058

Số CT: 51947

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 20.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 20.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 2.000 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 22.000 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): CTY RUT TIEN NHAP QUY TIEN MAT | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KỶ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-072

Địa chỉ (Address): 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 15 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00384940

Mã TTV: 5087

Số CT: 40672

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 172.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 172.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 17.200 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 189.200 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Một trăm tám mươi chín nghìn hai trăm đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): IBVCB.202605155087092977. | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 18 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 16457573

Mã TTV: 5058

Số CT: 21059

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 23.358 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 23.358 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 2.336 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 25.694 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi bốn đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): TT HD SO 146-CTY VIET COLDCHAIN | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 18 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 16488716

Mã TTV: 5058

Số CT: 15890

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 73.000 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 73.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 7.300 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 80.300 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Tám mươi nghìn ba trăm đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOAN NOI BO | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 18 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 16535791

Mã TTV: 5058

Số CT: 24890

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 593.250 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 593.250 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 59.325 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 652.575 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Sáu trăm năm mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): TT HD SO 154 DEN SO 166 (NGAY 18.4.2026 DEN 23.4.2026) | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 18 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01134135

Mã TTV: 1001

Số CT: 102803

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1064274567 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1 | Thu lãi tiền vay | 2.297.883 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 2.297.883 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | \ |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 2.297.883 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi ba đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1064274567 | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 18 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01134140

Mã TTV: 1001

Số CT: 102802

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001064475420 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1 | Thu lãi tiền vay | 3.432.416 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 3.432.416 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | \ |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 3.432.416 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm mười sáu đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1064475420 | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

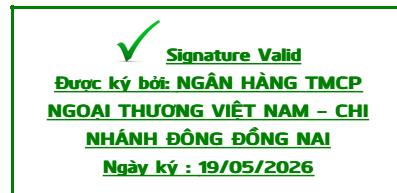
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)



**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI**Mã số thuế (Tax Code): **0 1 0 0 1 1 2 4 3 7 - 1 4 5**

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 18 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): **01134167**

Mã TTV: 1001

Số CT: 102804

Tên khách hàng (Customer's name): **CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM**

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001064547841 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Thu lãi tiền vay | 15.760.164 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 15.760.164 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | \ |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 15.760.164 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1064547841 | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

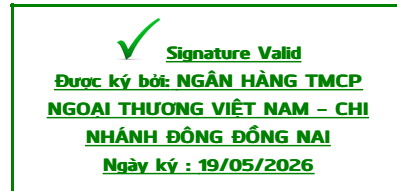
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 18 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01134192

Mã TTV: 1001

Số CT: 102805

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001064434548 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1 | Thu lãi tiền vay | 1.635.965 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 1.635.965 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | \ |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 1.635.965 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Một triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1064434548 | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

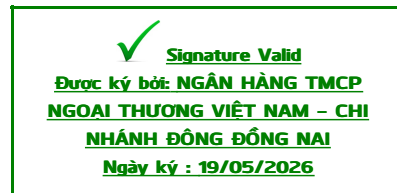
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 19 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 23/5/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): **16604861**

Mã TTV: 5058

Số CT: 62921

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT (No) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1 | Phí dịch vụ ngân hàng | 282.240 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total) | | 282.240 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% | Tiền thuế GTGT (VAT amount) | 28.224 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount) | | 310.464 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Ba trăm mười nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng chẵn ./ | | |
| Ghi chú (Remarks): TAT TOAN 70%- phiếu yêu cầu đặt hàng số 19-CTY APK VIET | | |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)

